

Bản án số: 04/2024/KDTM-ST
Ngày 10-10-2024
V/v: “*Tranh chấp
hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đoàn Thị Mến
- Ông Trần Đình Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy-Thư ký TAND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần T-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 04/2024/TLST-KDTM ngày 30 tháng 8 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXXST-KDTM ngày 30/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2024/QĐST-KDTM, ngày 20/9/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q1

Địa chỉ: Số A L, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T1. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Q2 và Khai thác tài sản-Ngân hàng TMCP Q1.

Địa chỉ: Số C, phường L, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn P. Chức vụ: Tổng Giám đốc, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mạc Đức T2, chức vụ: Giám đốc Công ty M ĐNB ủy quyền tham gia tố tụng lại cho ông Nguyễn Văn T3-Chuyên viên xử lý nợ- Công ty TNHH Q2 và Khai thác tài sản-Ngân hàng TMCP Q1, có mặt

Địa chỉ: Lầu C, Tòa nhà N, số I, đường H, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1993, vắng mặt.

Và bà Phạm Thị T4, sinh năm 1993, vắng mặt

Trú tại: Tổ C, ấp C, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13-5-2024; bản tự khai ngày 23-7-2024, ngày 30-8-2024; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 23-7-2024, ngày 05-8-2024, ngày 30-8-2024 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q1 ông Nguyễn Văn T3 và ông Lê Văn S1 trình bày:

Ngày 28/02/2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1- Chi nhánh V (gọi tắt là Ngân hàng) có ký Hợp đồng cho vay số 0001.23.551.16692309.TD với ông Nguyễn Trường S và bà Phạm Thị T4, số tiền vay là 1.270.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh ván ép, cốt pha, dàn giáo xây dựng.

Ông bà nhận tiền vay 1.270.000.000 đồng vào ngày 02/3/2023 theo Văn bản nhận nợ số LD 2306127502, hạn trả nợ cuối cùng ngày 02/02/2024.

Để đảm bảo khoản vay trên, ông bà có thể chấp toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa số 236, tờ bản đồ số 10, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 819865 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho ông bà ngày 04/11/2015.

Tài sản đảm bảo được ký kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 107043.23.551.16692309.BĐ ngày 28/02/2023.

Đến tháng 02/2024, ông bà không trả nợ theo đúng thỏa thuận nên Ngân hàng đã gửi nhiều thông báo, công văn yêu cầu trả nợ hoặc giao tài sản đảm bảo để Ngân hàng xử lý trả nợ nhưng ông bà không thực hiện. Nay Ngân hàng yêu cầu buộc ông bà trả số tiền gốc lãi tính đến ngày 10/5/2024 là 1.322.450.348

đồng, trong đó nợ gốc là 1.269.999.999 đồng, nợ lãi là 52.450.349 đồng; ông bà tiếp tục chịu lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận từ ngày 11/5/2024 cho đến khi trả xong nợ; kể từ ngày bản án có hiệu lực, nếu ông bà không trả nợ hoặc trả không đầy đủ gốc lãi thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ thì ông bà tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

Ông Nguyễn Trường S và bà Phạm Thị T4 là bị đơn được triệu tập hợp để hòa giải và xét xử nhưng không đến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q1; trường hợp ông S, bà T4 không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Ngân hàng TMCP Q1 (gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu ông Nguyễn Trường S và bà Phạm Thị T4 trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng; tranh chấp giữa các đương sự phát sinh trong hoạt động kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; ông S, bà T4 có nơi cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về xét xử vắng mặt:* Ông S, bà T4 là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] *Về thay đổi yêu cầu khởi kiện:* Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng yêu cầu ông S, bà T4 trả số tiền gốc là 1.269.999.999 đồng, nợ lãi là 118.904.087 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là 82.954.388 đồng, lãi quá hạn là 35.949.699 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ.

[1.4] Như vậy, so với yêu cầu khởi kiện ban đầu thì tiền nợ gốc không thay đổi, nợ lãi thay đổi do phát sinh theo hợp đồng tín dụng nên không coi đây là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Xét thấy, ông S, bà T4 là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không tham gia phiên tòa, như vậy ông bà đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp và trong quá trình Tòa án thu thập để xem xét giải quyết.

[2.2] *Xét hợp đồng tín dụng:* Theo tài liệu, chứng cứ Ngân hàng cung cấp thể hiện, ngày 28/02/2023, Ngân hàng TMCP Q1-Chi nhánh V ký Hợp đồng cho vay số 0001.23.551.16692309.TD với ông Nguyễn Trường S và bà Phạm Thị T4, theo đó Ngân hàng cho ông bà vay số tiền 1.270.000.000 đồng; ông bà nhận tiền ngày 02/3/2023 theo Văn bản nhận nợ số LD 2306127502; để đảm bảo số tiền vay này, ông bà thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

[2.3] Quá trình thực hiện hợp đồng cho vay, ông bà đã trả gốc lãi đến ngày 24/01/2024 là 98.241.557 đồng thì ngưng. Tính đến ngày 10/10/2024, ông bà còn nợ tiền gốc là 1.269.999.999 đồng, tiền lãi trong hạn là 82.954.388 đồng, lãi quá hạn là 35.949.699 đồng.

[2.4] Xét thấy, hợp đồng cho vay trên về hình thức và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 401, 463, 465, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký.

[2.5] Ông bà vay tiền nhằm mục đích kinh doanh. Nay ông bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 5 của Hợp đồng cho vay số 0001.23.551.16692309.TD, ngày 28/02/2023, Ngân hàng đã thông báo yêu cầu trả nợ nhưng ông bà không trả. Nay Ngân hàng yêu cầu ông bà có nghĩa vụ trả nợ gốc lãi của khoản vay trên, đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh của hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, phù hợp quy định Điều 466 BLDS, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

[3] *Về tài sản đảm bảo:* Để đảm bảo khoản vay này, ông bà có thế chấp quyền sử dụng diện tích đất 1945m² (trong đó có 50m² đất ở và 1895m² cây lâu năm), thửa đất số 236, tờ bản đồ số 10 xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 819865 cho ông Trương Bảo Q ngày 04/11/2015, chuyển

nhượng lại cho ông Nguyễn Trường S và bà Phạm Thị T4 (*chính lý trang tư ngày 23/12/2022*) theo Hợp đồng thế chấp số 107043.23.551.16692309.BĐ ngày 28/02/2023. Hợp đồng thế chấp này thực hiện đúng quy định của pháp luật. Do đó, nếu ông bà không trả nợ hoặc trả nợ không đúng và đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Điều 6 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[4] *Về phát biểu của Kiểm sát viên:* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; trường hợp ông S, bà T4 không trả nợ hoặc trả nợ không đúng và đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Vì vậy, ông S, bà T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 53.667.000 đồng (*Tranh chấp từ 800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, mức thu án phí là 36.000.000 đồng + 3% phần tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng*)

[6] Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 401, 463, 465, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Trường S và bà Phạm Thị T4 trả nợ.

2. Buộc ông Nguyễn Trường S và bà Phạm Thị T4 có nghĩa vụ trả nợ gốc lãi cho Ngân hàng TMCP Q1 tính đến ngày 10/10/2024 là 1.388.904.086đ (*Một tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, chín trăm lẻ bốn ngàn, không trăm tám mươi sáu đồng*), trong đó nợ gốc là 1.269.999.999 đồng, nợ lãi trong hạn là 82.954.388 đồng, lãi quá hạn là 35.949.699 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 11/10/2024) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q1, ông Nguyễn Trường S và bà Phạm Thị T4 còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ;

4. Trường hợp trong hợp đồng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm xác lập hợp đồng, thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

5. Trường hợp ông Nguyễn Trường S và bà Phạm Thị Tuyết K thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 1945m² (trong đó có 50m² đất ở và 1895m² cây lâu năm), thửa đất số 236, tờ bản đồ số 10 xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 819865 cho ông Trương Bảo Q ngày 04/11/2015, chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Trường S và bà Phạm Thị T4 (chỉnh lý trang tư ngày 23/12/2022) theo Hợp đồng thế chấp số 107043.23.551.16692309.BĐ ngày 28/02/2023.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trường S và bà Phạm Thị T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 53.667.000đ (Năm mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng); Ngân hàng TMCP Q1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.836.000đ (Hai mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng số 0000805 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

7. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Trường S và bà Phạm Thị T4 phải chịu chi phí tố tụng là 1.000.000đ (Một triệu đồng); Ngân hàng TMCP Q1 đã tạm ứng nên ông S, bà T4 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q1 chi phí tố tụng là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND h.Xuyên Mộc;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi Cục THADS H.Xuyên Mộc;
- Lưu hồ sơ, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trần Hiến

